SAO Y; Ủy ban nhân dân thành phố Lai châu; 30/08/2021 09:21:39

UỶ BAN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ LAI CHÂU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1382 /QĐ-UBND	*Thành phố Lai Châu, ngày 30 tháng 8 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH

V/v Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư bổ sung lần 1 dự án: Kết nối giao thông các tỉnh Miền núi phía Bắc do Ngân hàng Phát triển Châu Á và Chính phủ Úc tài trợ (Tuyến nối Lai Châu với Cao tốc Nội Bài – Lào Cai: Khu vực thành phố Lai Châu)

UỶ BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LAI CHÂU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 74/2015/TT-BTC ngày 15/5/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, sử dụng và quyết toán kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 Quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 39/2016/QĐ-UBND ngày 28/10/2016 của UBND tỉnh Lai Châu ban hành quy định mức trích, nội dung chi và mức chi cho công tác tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Khung chính sách dự án: Kết nối giao thông các tỉnh Miền núi phía Bắc do Ngân hàng Phát triển Châu Á và Chính phủ Úc tài trợ (Tuyến nối Lai Châu với Cao tốc Nội Bài – Lào Cai);

Căn cứ Quyết định số 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu ban hành Quy định một số nội dung về trình tự thực hiện thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Lai Châu;

Căn cứ Quyết định số 12/2021/QĐ-UBND ngày 16/4/2021của UBND tỉnh Lai Châu V/v Ban hành Quy định về hạn mức giao đất; hạn mức công nhận

quyền sử dụng đất ở; hạn mức công nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất mà không có giấy tờ về quyền sử dụng đất; diện tích, kích thước tối thiểu được tách thửa trên địa bàn tỉnh Lai Châu;

Căn cứ Quyết định số 754/QĐ-UBND ngày 18/6/2020 của UBND tỉnh Lai Châu về việc Chấp thuận cho phép để thực hiện và cập nhật bổ sung các công trình, dự án vào Kế hoạch sử dụng đất năm 2020 của cấp huyện;

Căn cứ Quyết định số 455/QĐ-UBND ngày 27/5/2021 của UBND thành phố Lai Châu về việc Phê duyệt giá đất cụ thể để tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện 04 dự án trên địa bàn thành phố Lai Châu;

Căn cứ Quyết định số 598/QĐ-UBND ngày 26/5/2021 của UBND tỉnh Lai Châu về Ban hành đơn giá bồi thường về tài sản, cây trồng, vật nuôi trên đất khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn huyện Tam Đường và thành phố Lai Châu thuộc dự án kết nối giao thông các tỉnh Miền núi phía Bắc do Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) và Chính phủ Úc tài trợ;

Căn cứ Quyết định số 995/QĐ-UBND ngày 31/7/2020 của UBND thành phố Lai Châu V/v Ban hành Kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm phục vụ công tác thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án: Kết nối giao thông các tỉnh Miền núi phía Bắc do Ngân hàng Phát triển Châu Á và Chính phủ Úc tài trợ (Tuyến nối Lai Châu với Cao tốc Nội Bài – Lào Cai: Khu vực thành phố Lai Châu);

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Lai Châu tại Tờ trình số 572/TTr-TNMT ngày 19/8/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư bổ sung lần 1 dự án: Kết nối giao thông các tỉnh Miền núi phía Bắc do Ngân hàng Phát triển Châu Á và Chính phủ Úc tài trợ (Tuyến nối Lai Châu với Cao tốc Nội Bài – Lào Cai: Khu vực thành phố Lai Châu), cụ thể như sau:

1. Tổng số tiền bồi thường hỗ trợ, tái định cư chủ đầu tư phải chi trả là: 283.828.095 đồng.

(Bằng chữ: Hai trăm tám mươi ba triệu tám trăm hai mươi tám nghìn không trăm chín mươi lăm đồng).

Trong đó:

- Chi trả cho chủ sở hữu:	283.828.095 đồng
+ Bồi thường về đất:	35.088.300 đồng
+ Tài sản, vật kiến trúc:	143.923.295 đồng
+ Cây cối, hoa màu:	24.799.200 đồng
+ Chính sách hỗ trợ:	80.017.300 đồng

(Có bảng tổng hợp chi tiết kèm theo)

2. Nguồn kinh phí chi trả, thời gian chi trả tiền bồi thường và thời hạn bàn giao đất.

- Nguồn kinh phí chi trả: Lấy từ nguồn vốn của dự án.

- Thời gian chi trả tiền bồi thường và thời hạn bàn giao đất: Thực hiện theo Điều 24 Quyết định số 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng HĐND-UBND; Trưởng các phòng: Tài nguyên và Môi trường, Kinh tế, Tài chính - Kế hoạch, Quản lý đô thị; Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã San Thàng; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và các hộ gia đình có tên trong phương án bồi thường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 2;
- Ban Quản lý dự án 2;
- Chủ tịch UBND thành phố (thay b/c);
- Trang TTĐT thành phố;
- Lưu: VT, TNMT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đỗ Văn Xiêng

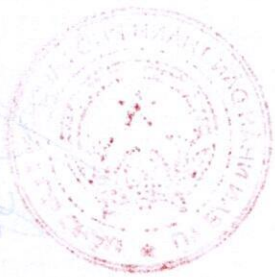

PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ (BỔ SUNG LẦN 1)

Dự án: Kết nối giao thông các tỉnh miền núi phía Bắc (Tuyến nối Lai Châu với cao tốc Nội Bài - Lào Cai: Khu vực thành phố Lai Châu).

Kèm theo Quyết định số: 1382 /QĐ-UBND ngày 30 tháng 8 năm 2021 của UBND thành phố

TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đ)	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4*5
A	**Tổng cộng**				**283.828.095**
1	**Chi trả cho chủ sở hữu**				**283.828.095**
a	*Về đất*				*35.088.300*
b	*Về tài sản vật kiến trúc*				*143.923.295*
c	*Về cây cối hoa màu*				*24.799.200*
d	*Về chính sách hỗ trợ*				*80.017.300*
B	**Chi tiết cho các hộ dân**				**283.828.095**
	Xã San Thàng				
1	**Hộ ông: Hoàng Mạnh Hạnh**				
	Địa chỉ: Tổ 18, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu				
	Tổng kinh phí được bồi thường, hỗ trợ (a+b)				**8.824.300**
a	***Về đất***				***640.500***
1	Diện tích thu hồi	m^2	18,3		
2	Loại đất				
	Đất trồng cây hàng năm	m^2	18,3	35.000	640.500
	Vị trí (VT1)				
	Nguồn gốc: Được cấp GCNQSD đất số phát hành BT 477 296 do UBND thành phố Lai Châu cấp ngày 21/01/2015. Đất sử dụng ổn định không tranh chấp.				
b	***Về tài sản vật kiến trúc***				***8.183.800***
	Toàn bộ tài sản do ông Hoàng Mạnh Hạnh tạo lập năm 2016, khi tạo lập tài sản không bị lập biên bản vi phạm hành chính. Tài sản tạo lập trước kế hoạch sử dụng đất, tài sản xây dựng đúng mục đích sử dụng đất; tài sản sử dụng ổn định, không tranh chấp.				
	Tài sản nằm trên đất thu hồi mới				
1	Cống cuấn Φ 100-300	m	29,0	141.100	4.091.900
	Tài sản nằm trên đất đã thu hồi				
1	Cống cuấn Φ 100-300	m	29,0	141.100	4.091.900
2	**Hộ ông: Nguyễn Đình Cửu**				
	Địa chỉ: Tổ 2, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu				

	Tổng kinh phí được bồi thường, hỗ trợ (a+b+c+d)				**10.065.700**
a	***Về đất***				***1.827.800***
1	Diện tích thu hồi	m^2			
2	Loại đất				
	Đất trồng lúa 1 vụ	m^2	49,4	37.000	1.827.800
	Vị trí (VT1)				
	Nguồn gốc: Được cấp GCNQSD đất số CS 297 807 do Sở TNMT tỉnh Lai Châu cấp ngày 31/12/2019. Đất gia đình sử dụng ổn định không tranh chấp.				
b	***Tài sản vật kiến trúc***				***691.500***
	Tài sản do ông Cửu tạo lập năm 2018 khi tạo lập không bị lập biên bản vi phạm hành chính, tài sản tạo lập trước kế hoạch sử dụng đất, đúng mục đích sử dụng đất, gia đình sử dụng ổn định không tranh chấp.				
1	Hàng rào dây thép gai	m	60,0	5.000	300.000
2	Cọc sắt Φ 40 (10 cọc *1,5m) tính bằng ống thép mạ kém loại 1	m	15,0	26.100	391.500
c	**Về cây cối hoa màu**				**235.200**
1	Cỏ voi	m^2	49,0	4.800	235.200
d	**Về chính sách hỗ trợ**				**7.311.200**
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với trường hợp Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp (theo quy định tại Điều 16, Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu), mức hỗ trợ bằng 4 lần giá đất trồng lúa một vụ	đồng/m^2	49,4	148.000	7.311.200
3	**Hộ bà: Nguyễn Thị Quỳ**				
	Địa chỉ: Thị trấn Tam Đường, huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu				
	Tổng kinh phí được bồi thường, hỗ trợ (a+b)				**12.565.280**
a	***Về đất***				***958.300***
1	Diện tích thu hồi	m^2			
2	Loại đất				
	Đất trồng lúa 1 vụ	m^2	25,9	37.000	958.300
	Vị trí (VT1)				

	Nguồn gốc: Được cấp GCNQSD đất số CS 297 808 do Sở TNMT tỉnh Lai Châu cấp ngày 31/12/2019. Đất gia đình sử dụng ổn định, không tranh chấp.				
b	***Về tài sản vật kiến trúc***				***11.606.980***
	Tài sản do bà Quỳ xây dựng năm 2017, khi xây dựng không bị lập biên bản vi phạm hành chính về xây dựng, Tài sản tạo lập trước kế hoạch sử dụng đất, đúng mục đích sử dụng đất, gia đình sử dụng ổn định không tranh chấp				
1	Tường xây gạch bi tường 12 cm (59,5*1,5)	m^2	89,3	127.600	11.388.300
2	Trụ cổng xây gạch bi (0,4*0,4*2,5)	m^2	0,4	546.700	218.680
4	**Hộ bà Vùi Thị Đấy (Hiện trạng ông Nguyễn Văn Sơn đang sử dụng)**				
	Địa chỉ: Bản Tả Xin Chải, phường Đông Phong, thành phố Lai Châu				
	Tổng kinh phí được bồi thường, hỗ trợ (a+b+c+d)				**16.136.912**
a	***Về đất***				***1.925.000***
1	Diện tích thu hồi	m^2			
2	Loại đất				
	Đất bằng trồng cây hàng năm khác	m^2	55,0	35.000	1.925.000
	Vị trí (VT1)				
	Nguồn gốc: Một phần diện tích có nguồn gốc: Đất bà Đáy khai hoang sử dụng trước năm 1993 (không giấy tờ). Tại thời điểm khai hoang sử dụng vào mục đích đất trồng cây hàng năm và sử dụng từ đó đến nay Phần diện tích 47,1 m2 đang chồng lấn lên thửa đất 304, TBĐ 118 thông tin theo BĐ địa chính xã San Thàng đang quy chủ mang tên ông Sùng A Dơ. Qua xác minh thửa đất không phải đất của ông Sùng A Dơ là đất của bà Vùi Thị Đấy có nguồn gốc như trên. Việc trồng lấn là do nhầm lẫn giữa các lần đo đạc bản đồ không thể hiện đúng ranh giới của thửa đất. Đất gia đình sử dụng ổn định không tranh chấp.				
b	***Về tài sản vật kiến trúc***				***8.238.912***

	Toàn bộ tài sản trên đất của bà Vùi Thị Đáy do ông Nguyễn Văn Sơn tạo lập năm 2015 (ông Sơn nhận chuyển nhượng QSD đất của bà Vùi Thị Đáy sau thời điểm ngày 1/1/2008, không có giấy tờ chuyển nhượng theo quy định pháp luật, không đủ điều kiện quy chủ, bồi thường); Khi tạo lập tài sản không bị lập biên bản vi phạm hành chính; Tài sản được tạo lập trước khi có kế hoạch sử dụng đất; tài sản sử dụng ổn định, đúng mục đích sử dụng, không tranh chấp.				
1	Tường xây gạch bi tường 12 cm (15*2,5)	m^2	37,5	127.600	4.785.000
2	Kè đá xây (14*0,6*1,4)	m^2	11,8	293.700	3.453.912
c	***Về cây cối hoa màu***				***198.000***
1	Cây dừa xiêm trồng dưới 2 năm	cây	1,0	132.000	132.000
2	Cây bơ trồng hạt năm thứ 2	Cây	1,0	66.000	66.000
d	***Về chính sách hỗ trợ***				**5.775.000**
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với trường hợp Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp (theo quy định tại Điều 16, Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu), mức hỗ trợ bằng 3 lần giá đất trồng cây hàng năm khác	đồng/ hộ	55,0	105.000	5.775.000
5	**Hộ ông: Vũ Văn Nghĩa**				
	Địa chỉ: Tổ 18, phường Tân Phong,thành phố Lai Châu				
	Tổng kinh phí được bồi thường, hỗ trợ (a+b+c)				**25.477.860**
a	***Về đất***				***8.032.500***
1	Diện tích thu hồi	m^2			
2	Loại đất				
	Đất trồng cây hàng năm	m^2	229,5	35.000	8.032.500
	Vị trí (VT1)				
	Nguồn gốc: Được cấp giấy CNQSD đất số CS 108 458 cấp ngày 16/6/2020 do UBND huyện Tam Đường cấp. Đất gia đình sử dụng ổn định không tranh chấp.				
b	***Về tài sản vật kiến trúc***				***11.217.360***
	Toàn bộ tài sản do ông Vũ Văn Nghĩa tạo lập năm 2016, khi tạo lập tài sản không bị lập biên bản vi phạm hành chính về xây dựng, tạo lập trước kế hoạch sử dụng đất, sử dụng ổn định, đúng mục đích sử dụng, không tranh chấp.				
	Tài sản nằm trên đất đã thu hồi				

1	Tường rào khung thép lưới B40 (21*1,5)	m^2	31,5	123.200	3.880.800
2	Cổng sắt (3,6*2,1)	m^2	7,6	825.000	6.237.000
3	Ngõ lát gạch BLOG (3,4*3)	m^2	10,2	107.800	1.099.560
c	***Về cây cối hoa màu***				***6.228.000***
1	Cây bưởi ghép cành trồng năm thứ 2	Cây	7,0	204.000	1.428.000
2	Hoa cây cảnh cho thu hoạch	m^2	100,0	48.000	4.800.000
6	**Hộ bà: Lê Thị Thu Hương**				
	Địa chỉ:Bản Phan Lìn, xã San thàng, thành phố Lai Châu.				
	Tổng kinh phí được bồi thường, hỗ trợ (a+b)				**11.636.500**
a	***Về đất***				***2.327.300***
1	Diện tích thu hồi	m^2			
2	Loại đất				
	Đất trồng lúa 1 vụ	m^2	62,9	37.000	2.327.300
	Vị trí (VT1)				
	Nguồn gốc: Được cấp GCNQSD đất số BM 089 191 do UBND thị xã Lai Châu cấp ngày 16/10/2013. Đất gia đình sử dụng ổn định không tranh chấp.				
d	***Về chính sách hỗ trợ***				**9.309.200**
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với trường hợp Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp (theo quy định tại Điều 16, Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu), mức hỗ trợ bằng 4 lần giá đất trồng lúa một vụ	đồng/ hộ	62,9	148.000	9.309.200
7	**Hộ ông: Vàng A Giàng**				
	Địa chỉ: Bản Phan Chu Hoa, xã Nùng Nàng, Huyện Tam Đường				
	Tổng kinh phí được bồi thường, hỗ trợ (a+b+c+d)				**24.522.611**
a	***Về đất***				***2.695.000***
1	Diện tích thu hồi	m^2	77,0		
2	Loại đất				
	Đất bằng trồng cây hàng năm khác	m^2	77,0	35.000	2.695.000
	Vị trí (VT1)				

	Nguồn gốc: - Phần diện tích thu hồi đang chồng lấn lên thửa đất số 601, tờ BĐ địa chính số 110 đã được cấp GCN QSD đất số phát hành BM089210 do UBND TX Lai Châu (nay là TP Lai Châu) cấp ngày 16/10/2013 mang tên ông Nguyễn Xuân Tâm hiện trạng do gia đình ông Vàng A Giàng đang sử dụng, có nguồn gốc ông Giàng khai hoang sử dụng trước năm 1993. Nguyên nhân chồng lấn là do tại các thời điểm đo đạc đo đạc quy chủ không chính xác. - Phần diện tích thu hồi theo BĐ địa chính thuộc thửa đất số 634, tờ BĐ địa chính số 110 đang quy loại đất thủy lợi và thửa đất số 640, tờ BĐ số 110 thông tin theo BĐ địa chính đang quy loại đất BCS, do UBND xã quản lý hiện trạng do gia đình ông Vàng A Giàng đang sử dụng, có nguồn gốc ông Giàng khai hoang sử dụng trước năm 1993. Nguyên nhân chồng lấn là do tại các thời điểm đo đạc đo đạc quy chủ không chính xác. Toàn bộ diện tích đất thu hồi gia đình sử dụng ổn định, không tranh chấp.				
b	***Về tài sản vật kiến trúc***				***12.884.611***
	Toàn bộ tài sản do ông Vàng A Giàng tạo lập năm 2017, khi tạo lập tài sản không bị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính. Tài sản được tạo lập trước kế hoạch sử dụng đất hàng năm được phê duyệt; Tài sản xây dựng đúng mục đích sử dụng đất, sử dụng ổn định, không tranh chấp.				
1	Tường xây gạch bi tường 12 cm (17,1*1,7)	m^2	29,1	127.600	3.709.332
2	Trát tường không đánh màu (17,1*1,7)*2	m^2	58,1	27.500	1.598.850
3	Trụ cổng xây gạch bi (0,27*0,27*2)*2	m^3	0,3	546.700	159.418
4	Cổng sắt (3,2*2)	m2	6	825.000	5.280.000
5	Tấm đan BTCT (cầu) (0,1*3,1*1,3)	m^3	0,4	1.393.700	561.661
6	Tấm đan BTCT (cầu) (0,1*5,8*1,3)	m	0,8	1.393.700	1.050.850
7	Ống nước HDPE Φ 90 dày 4,3 mm	m	5,0	104.900	524.500
c	***Về cây cối hoa màu***				***858.000***
1	Cây đào trồng hạt năm thứ 3	Cây	2,0	132.000	264.000
2	Cây bưởi trồng hạt năm thứ 3	Cây	1,0	132.000	132.000
3	Cây móc trồng năm thứ 2 tính bằng cây cau chưa cho thu hoạch	Cây	3,0	132.000	396.000
4	Cây ổi trồng năm thứ 2	Cây	1,0	66.000	66.000
d	***Về chính sách hỗ trợ***				**8.085.000**

1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với trường hợp Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp (theo quy định tại Điều 16, Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu), mức hỗ trợ bằng 3 lần giá đất trồng cây hàng năm khác	đồng/ hộ	77,0	105.000	8.085.000
8	**Hộ ông: Nguyễn Văn Bình**				
	Địa chỉ: Bản Mới, xã San Thàng, thành phố Lai Châu				
	Tổng kinh phí được bồi thường, hỗ trợ (a+b)				**17.723.000**
a	***Về đất***				***3.544.600***
1	Diện tích thu hồi	m^2	95,8		
2	Loại đất				
	Đất trồng lúa 1 vụ	m^2	95,8	37.000	3.544.600
	Vị trí (VT1)				
	Nguồn gốc: Phần diện tích thu hồi thuộc thửa đất số 632, tờ BĐ địa chính số 134 xã San Thàng đã được cấp GCN QSD đất số phát hành CS297893 do Sở TNMT tỉnh cấp ngày 22/9/2020. Phần diện tích thu hồi thuộc thửa đất số 647, tờ BĐ địa chính số 134 xã San Thàng đã được cấp GCN QSD đất số phát hành CX441123 do Sở TNMT tỉnh cấp ngày 23/11/2020. Phần diện tích thu hồi đang chồng lấn lên thửa 643, TBĐ địa chính số 134 xã San Thàng đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Đình Cửu hiện trang do gia đình ông Bình sử dụng cùng nguồn gốc với các thửa đất trên. Nguyên nhân chồng lấn là do sai số giữa các lần đo đạc. Toàn bộ diện tích thu hồi gia đình sử dụng ổn định không có tranh chấp.				
d	***Về chính sách hỗ trợ***				**14.178.400**
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với trường hợp Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp (theo quy định tại Điều 16, Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu), mức hỗ trợ bằng 4 lần giá đất trồng lúa một vụ	đồng/ hộ	95,8	148.000	14.178.400
9	**Hộ ông: Nguyễn Quốc Tuấn**				
	Địa chỉ: Bản Phan Lìn, xã San thàng, thành phố Lai Châu				
	Tổng kinh phí được bồi thường, hỗ trợ (a+b)				**11.840.000**

a	***Về đất***				***2.368.000***
1	Diện tích thu hồi	m^2	64,0		
2	Loại đất				
	Đất trồng lúa 1 vụ	m^2	64,0	37.000	2.368.000
	Vị trí (VT1)				
	Nguồn gốc: Thửa đất số 296 TBD 110 được cấp GCNQSD đất số BX 792387 do UBND thành phố Lai Châu Cấp ngày 23/8/2018 Thửa đất số 334 TBD 110 được cấp GCNQSD đất số BX 792 388 do UBND thành phố Lai Châu Cấp ngày 23/8/2018 Thửa đất số 335, 648 TBD 110 được cấp GCNQSD đất số BX 792389 do UBND thành phố Lai Châu Cấp ngày 23/8/2018 Thửa đất số 239 TBD 110 được cấp GCNQSD đất số BX 792 390 do UBND thành phố Lai Châu Cấp ngày 23/8/2018. Đất gia đình sử dụng ổn định không tranh chấp				
b	**Về chính sách hỗ trợ**				**9.472.000**
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với trường hợp Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp (theo quy định tại Điều 16, Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu), mức hỗ trợ bằng 4 lần giá đất trồng lúa một vụ	đồng/ hộ	64,0	148.000	9.472.000
10	**Hộ ông: Nguyễn Phương Quế**				
	Địa chỉ: Tổ 4, phường Đoàn Kết, thành phố Lai Châu				
	Tổng kinh phí được bồi thường, hỗ trợ (a+b+c+d)				**60.769.581**
a	***Về đất***				***4.691.600***
1	Diện tích thu hồi	m^2	126,8		
2	Loại đất				
	Đất trồng lúa 1 vụ	m^2	126,8	37.000	4.691.600
	Vị trí (VT1)				

	Nguồn gốc: Thửa đất số 393, 395, 405; tờ BĐ số 99 có nguồn gốc: Nhận chuyển nhượng QSD đất của ông Vàng A Chiếu theo hợp đồng công chứng số: 1342 ngày 7/12/2018 tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Văn Thúy. Đất ông Vàng A Chiếu đã được cấp GCN QSD đất số phát hành BM089416 do UBND TX Lai Châu (nay là TP Lai Châu) cấp ngày 26/12/2013. Đất sử dụng ổn định không có tranh chấp.				
b	***Về tài sản vật kiến trúc***				***25.311.581***
	Toàn bộ tài sản do ông Nguyễn Phương Quế tạo lập năm 2018, khi tạo lập tài sản không bị lập biên bản vi phạm hành chính. Tài sản được tạo lập trước khi có kế hoạch sử dụng đất, sử dụng ổn định, đúng mục đích sử dụng, không tranh chấp.				
	Phần tài sản nằm trên đất thu hồi mới				
1	Nền lát gạch Blog (2*2)	m^2	4	107.800	431.200
	Tài sản nằm trên đất đã thu hồi				
1	Cổng sắt (2,5*3,3)	m^2	8,3	825.000	6.806.250
2	Tường rào lưới B40 hỗ trợ di chuyển (29,9*1,2)	m^2	35,9	25.000	897.000
3	Trụ cổng BTCT (0,45*0,45*3,1)*2	m^2	1,3	546.700	686.382
4	Tường xây gạch bi tường 12 cm (29,9*3,1)	m^2	92,7	127.600	11.827.244
5	Tấm đan BTCT (3*3,3*0,1)	m^2	0,99	1.393.700	1.379.763
6	BT không cốt thép (5,6*0,4*0,4)*2	m^2	1,8	852.500	1.527.680
7	Tấm đan BTCT (1,8*0,2*3,5)	m^2	1,3	1.393.700	1.756.062
c	***Về cây cối hoa màu***				***12.000.000***
	Cây cối hoa màu nằm trên đất thu hồi mới				
1	Hoa cây cảnh trồng theo hàng dài	m^2	120,0	48.000	5.760.000
	Cây cối hoa màu nằm trên đất đã thu hồi				
1	Hoa cây cảnh trồng theo hàng dài	m^2	2,0	48.000	96.000
	Cây cối hoa màu bị ảnh hưởng				
1	Hoa cây cảnh trồng theo hàng dài	m^2	128,0	48.000	6.144.000
d	***Về chính sách hỗ trợ***				**18.766.400**

1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với trường hợp Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp (theo quy định tại Điều 16, Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu), mức hỗ trợ bằng 4 lần giá đất trồng lúa một vụ	đồng/ hộ	126,8	148.000	18.766.400
11	**Hộ ông: Lê Hồng Quân**				
	Địa chỉ:Tổ 5, phường Đoàn Kết, thành phố Lai Châu				
	Tổng kinh phí được bồi thường, hỗ trợ (a+b+c)				**11.925.557**
a	***Về đất***				***2.310.000***
1	Diện tích thu hồi	m^2	66,0		
2	Loại đất				
	Đất bằng trồng cây hàng năm khác	m^2	66,0	35.000	2.310.000
	Vị trí (VT1)				
	Nguồn gốc: Được cấp giấy chứng nhận QSD đất số CQ 331111 do UBND thành phố Lai Châu cấp ngày 7/12/2018. Đất gia đình sử dụng ổn định không tranh chấp.				
b	***Về tài sản vật kiến trúc***				***7.986.557***
	Toàn bộ tài sản do ông Lê Hồng Quân tạo lập năm 2016, khi tạo lập tài sản không bị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính. Tài sản được tạo lập trước khi có kế hoạch sử dụng đất, xây dựng đúng mục đích sử dụng đất; tài sản gia đình sử dụng ổn định, không tranh chấp.				
	Phần tài sản nằm trên đất thu hồi				
1	Tường xây gạch bi tường 12 cm (1,1*37)	m^2	40,7	127.600	5.193.320
2	Trụ cổng xây gạch bi (0,36*0,36*2,5)*2	m^2	0,6	546.700	354.262
3	Tấm đan BTCT (3,5*5*0,1)	m^2	1,8	1.393.700	2.438.975
c	***Về cây cối hoa màu***				***1.629.000***
1	Cây Mắc ca trồng năm thứ 2	Cây	10,0	162.900	1.629.000
12	**Hộ ông: Nguyễn Tiến Khen**				
	Địa chỉ: Bản Tả Xin Chải, phường Đông Phong, thành phố Lai Châu				
	Tổng kinh phí được bồi thường, hỗ trợ (a+b+c+d)				**36.875.674**
a	***Về đất***				***1.221.500***

1	Diện tích thu hồi	m^2	34,9		
2	Loại đất				
	Đất bằng trồng cây hàng năm khác	m^2	34,9	35.000	1.221.500
	Vị trí (VT1)				
	Nguồn gốc: Được cấp giấy CNQSD đất số BQ 227 724 do UBND thành phố cấp ngày 20/12/2016. Phần diện tích đang chồng lấn lên thửa đất số 882, TBĐ 110 số 100 xã San Thàng đang quy chủ cho UBND xã quản lý hiện trạng do gia đình ông Nguyễn Tiến Khen sử dụng cùng nguồn gốc với GCN QSD đất đã cấp. Nguyên nhân chồng lấn là do sai số giữa những lần đo đạc. Đất gia đình sử dụng ổn định không tranh chấp.				
b	***Về tài sản vật kiến trúc***				***28.338.674***
	Tài sản do ông Khen tạo lập năm 2013 khi tạo lập tài sản không bị lập biên bản vi phạm hành chính, tạo lập trước kế hoạch sử dụng đất hàng năm, đúng mục đích sử dụng đất, tài sản sử dụng ổn định không tranh chấp				
	Phần tài sản nằm trên đất thu hồi mới				
1	Cổng sắt (2,1*3,15)	m^2	6,6	825.000	5.457.375
2	Trụ cổng BTCT (0,5*0,5*2,6)	m^2	0,7	1.393.700	905.905
3	Lưới B40 hỗ trợ di chuyển (1,2*20)	m^2	24,0	25.000	600.000
4	Tường xây gạch bi tường 12 cm (1*11,5)	m^2	12	127.600	1.467.400
5	Tường xây gạch bi tường 12 cm (0,3*6)	m^2	1,8	127.600	229.680
6	Kè đá xây (6*0,4*0,8)	m^2	1,9	392.700	753.984
7	Ống nhựa HDPE Φ 50	m	400,0	32.900	13.160.000
8	Bể nước xây gạch đỏ tường 11 nắp BTCT đựng nước sinh hoạt	m^3	2,0	842.600	1.685.200
9	Kè đá xây (11*0,6*1,5)	m^3	9,9	392.700	3.887.730
10	Tường xây gạch bi T12 cm (5*0,3)	m^2	1,5	127.600	191.400
c	***Về cây cối hoa màu***				***3.651.000***
1	Cây Đào bán kính phát tán từ 2-4 m	Cây	1,0	480.000	480.000
2	Cây Đào bán kính phát tán từ 1-2 m	Cây	4,0	360.000	1.440.000
3	Cây bưởi bán kính phát tán từ 1-2 m	Cây	2,0	360.000	720.000
4	Chậu cây cảnh	Chậu	20,0	24.000	480.000

5	Khóm Riềng	kg	1,0	15.000	15.000
6	Cây ăn quả trồng hạt năm thứ 4	Cây	2,0	192.000	384.000
7	Cây đào trồng hạt năm thứ 3	Cây	1,0	132.000	132.000
d	**Về chính sách hỗ trợ**				**3.664.500**
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với trường hợp Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp (theo quy định tại Điều 16, Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu), mức hỗ trợ bằng 3 lần giá đất trồng cây hàng năm khác	đồng/ hộ	34,9	105.000	3.664.500
13	**Hộ ông: Nguyễn Văn Oánh**				
	Địa chỉ: Bản Séo Xin Chải, xã san Thàng, thành phố Lai Châu				
	Tổng kinh phí được bồi thường, hỗ trợ (a+b)				**1.386.000**
a	***Về đất***				***346.500***
1	Diện tích thu hồi	m^2	9,9		
2	Loại đất				
	Đất bằng trồng cây hàng năm khác	m^2	9,9	35.000	346.500
	Vị trí (VT1)				
	Nguồn gốc: Được cấp GCNQSD đất số BC 468 289 do UBND thị xã Lai Châu cấp ngày 11/7/2013. Đất gia đình sử dụng ổn định không tranh chấp.				
b	**Chính sách hỗ trợ**				**1.039.500**
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với trường hợp Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp (theo quy định tại Điều 16, Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu), mức hỗ trợ bằng 3 lần giá đất trồng cây hàng năm khác	đồng/ hộ	9,9	105.000	1.039.500
14	**Hộ bà: Phùng Thị Thanh Nga**				
	Địa chỉ: Tổ 1, phường Đoàn Kết, thành phố Lai Châu				
	Tổng kinh phí được bồi thường, hỗ trợ (a+b)				**29.060.801**
a	***Về đất***				***516.200***
1	Diện tích thu hồi	m^2	14,2		
2	Loại đất				
	Đất trồng lúa 1 vụ	m^2	9,6	37.000	355.200
	Đất trồng cây hàng năm	m^2	4,6	35.000	161.000
	Vị trí (VT1)				

	Nguồn gốc: Được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM 089 190 do UBND thị xã Lai Châu cấp ngày 16/10/2013. Đất gia đình sử dụng ổn định không tranh chấp.				
b	***Về tài sản vật kiến trúc***				***28.544.601***
	Tài sản do bà Nga tạo lập năm 2014, khi tạo lập không bị lập biên bản vi phạm hành chính, xây trước kế hoạch sử dụng đất hàng năm, đúng mục đích sử dụng đất, sử dụng ổn định không tranh chấp				
	Phần tài sản nằm trên đất thu hồi mới				
1	Bán mái khung sắt lợp tôn (4,2*1)	m^2	4,2	334.400	1.404.480
2	Nền BT đá dăm dày 10 cm (4*1)	m^2	4,0	83.600	334.400
3	Tôn bưng (6,2*3,5)	m^2	21,7	115.500	2.506.350
	Tài sản nằm trong phạm vi ảnh hưởng				
1	Bán mái khung sắt lợp tôn (1,5*4,2)	m^2	6,3	334.400	2.106.720
2	Nền BT đá dăm dày 10 cm (4*1,5)	m^2	6,0	83.600	501.600
3	Tôn bưng (5*3,5)	m^2	17,5	115.500	2.021.250
	Tài sản nằm trên diện tích đất đã thu hồi				
1	Cổng sắt (3*3)	m^2	9,0	825.000	7.425.000
2	Lưới B40 hỗ trợ di chuyển (1,8*35)	m^2	63,0	25.000	1.575.000
3	Cọc BTCT (0,15*0,15*2,5)*25 cọc	m^2	1,4	1.393.700	1.959.891
4	Khung sắt lưới B40 (1,5*20)	m^2	30	123.200	3.696.000
5	Bán mái khung sắt lợp tôn (4,2*2)	m^2	8,4	334.400	2.808.960
6	Nền BT đá dăm dày 10 cm (4*2)	m^2	8,0	83.600	668.800
7	Tôn bưng (3,8*3,5)	m^2	13,3	115.500	1.536.150
15	**Hộ ông Lèng A Qua**				
	Địa chỉ: Bản Tả Xin Chải, phường Đông Phong, thành phố Lai Châu				
	Tổng kinh phí được bồi thường, hỗ trợ (a+b)				**96.200**
a	***Về đất***				***48.100***
1	Diện tích thu hồi	m^2	1,3		
2	Loại đất				
	Đất trồng lúa 1 vụ	m^2	1,3	37.000	48.100
	Vị trí (VT1)				
	Nguồn gốc: Thửa đất số 439 TBD số 119 Được CGCNQSD đất số BC 467 208 do UBND thị xã Lai Châu (Nay là thành phố Lai Châu) cấp ngày 13/12/2012. Đất gia đình sử dụng ổn định không tranh chấp.				

b	**Về chính sách hỗ trợ**				**48.100**
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với trường hợp Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp (theo quy định tại Điều 16, Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu), mức hỗ trợ bằng 4 lần giá đất trồng lúa một vụ	đồng/ hộ	1,3	37.000	48.100
16	**Đồng quyền sử dụngcác bà: Lò Thị Hiền, Võ Thị Hợp, Đặng Thị Loan**				
	Địa chỉ: bà Lò Thị Hiền Tổ 2, phường Đoàn Kết, thành phố Lai Châu Bà Võ Thị Hợp tổ 23 phường Đông Phong, thành phố Lai Châu. Bà Đặng Thị Loan tổ 22 phường Đông Phong, thành phố Lai Châu.				
	Tổng kinh phí được bồi thường, hỗ trợ (a)				**1.043.400**
a	***Về đất***				***1.043.400***
1	Diện tích thu hồi	m^2	28,2		
2	Loại đất				
	Đất trồng lúa 1 vụ	m^2	28,2	37.000	1.043.400
	Vị trí (VT1)				
	Nguồn gốc: Được CGCNQSD đất số CS 297 826 do Sở TNMT tỉnh Lai Châu cấp ngày 06/3/2020 mang tên Lò Thị Hiền Được CGCNQSD đất số CS 297 827 do Sở TNMT tỉnh Lai Châu cấp ngày 06/3/2020 mang tên Võ Thị Hợp Được CGCNQSD đất số CS 297 828 do Sở TNMT tỉnh Lai Châu cấp ngày 06/3/2020 mang tên Đặng Thị Loan Đất sử dụng ổn định không tranh chấp.				
17	**Hộ ông: Nguyễn Xuân Tuấn**				
	Địa chỉ: Tổ 23, phường Đông Phong, thành phố Lai Châu				
	Tổng kinh phí được bồi thường, hỗ trợ (a+b+c)				**3.878.720**
a	***Về đất***				***592.000***
1	Diện tích thu hồi	m^2	16,0		
2	Loại đất				
	Đất trồng lúa 1 vụ	m^2	16,0	37.000	592.000
	Vị trí (VT1)				
	Nguồn gốc: Được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 591 227 do UBND thành phố Lai Châu cấp ngày 15/03/2018. Đất gia đình sử dụng ổn định không tranh chấp.				

b	***Về tài sản vật kiến trúc***				***918.720***
	Tài sản ông Tuần tạo lập năm 2019, không bị lập biên bản xử lý vi phạm hành chính về xây dựng, tạo lập trước kế hoạch sử dụng đất, đúng mục đích sử dụng đất				
1	Tường xây gạch bi tường 12 cm (6*1,2)	m^2	7,2	127.600	918.720
c	***Về chính sách hỗ trợ***				**2.368.000**
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với trường hợp Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp (theo quy định tại Điều 16, Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu), mức hỗ trợ bằng 4 lần giá đất trồng lúa một vụ	đồng/ hộ	16,0	148.000	2.368.000